

ĐỀ ÔN HÈ – ĐỀ 1
MÔN: TIẾNG ANH 5



BIÊN SOẠN: BAN CHUYÊN MÔN LOIGIAIHAY.COM

LỜI GIẢI CHI TIẾT

Thực hiện: Ban chuyên môn Loigiaihay.com

I.

1.

A. Japan /dʒə'pæn/: Trọng âm rơi vào âm tiết thứ hai.

B. China /'tʃaɪnə/: Trọng âm rơi vào âm tiết thứ nhất.

C. England /'ɪŋɡlənd/: Trọng âm rơi vào âm tiết thứ nhất.

=> **Chọn A.**

2.

A. arrive /ə'reɪv/: Trọng âm rơi vào âm tiết thứ hai.

B. travel /'trævəl/: Trọng âm rơi vào âm tiết thứ nhất.

C. repeat /rɪ'pi:t/: Trọng âm rơi vào âm tiết thứ hai.

=> **Chọn B.**

3.

A. British /'brɪtɪʃ/: Trọng âm rơi vào âm tiết thứ nhất.

B. Chinese /tʃaɪ'ni:z/: Trọng âm rơi vào âm tiết thứ hai.

C. English /'ɪŋɡlɪʃ/: Trọng âm rơi vào âm tiết thứ nhất.

=> **Chọn B.**

II.

1.

A. walks /wɔ:ks/

B. sits /sɪts/

C. rides /raɪdz/

=> **Chọn C**

2.

A. brushes /'brʌʃɪz/

B. hats /hæts/

C. walks /wɔ:ks/

=> **Chọn A**

III.

Phương pháp giải: Nhìn nhận câu và vị trí của chỗ trống, nhận định về thì, loại câu (câu khẳng định, phủ định, câu hỏi,...). Áp dụng công thức của từng loại câu để xác định cần điền gì vào chỗ trống, sao cho đúng ngữ pháp.

Lời giải chi tiết:

1.

Ta có cấu trúc “want + to V” được dùng khi nói muốn làm cái gì.

Câu hoàn chỉnh: Where do you want **to visit**?

(Bạn muốn thăm nơi nào?)

Đáp án: B

2.

Ta có cấu trúc: Did + chủ ngữ + V nguyên mẫu + tân ngữ?

Câu hoàn chỉnh: Did you **get** lucky money from relatives at Tet last year?

(Bạn có nhận được tiền mừng tuổi từ họ hàng vào dịp Tết năm ngoái không?)

Đáp án: A

3.

A. How's: như thế nào – hỏi về đặc điểm hoặc cách thức => phù hợp

B. What's: cái gì – hỏi về đối tượng là vật hoặc sự việc => không phù hợp

C. When's: khi nào – hỏi về thời điểm => không phù hợp

Câu hoàn chỉnh: **How's** the weather in winter?

(Thời tiết vào mùa đông như thế nào?)

Đáp án: A

4.

Ta có câu hỏi Wh ở thì tương lai gần như sau:

Wh + am/is/are + chủ ngữ + going to + V nguyên mẫu + tân ngữ?

Câu hoàn chỉnh: Where are you **going to** visit this summer?

(Bạn sẽ đi thăm nơi nào vào mùa hè này?)

Đáp án: C

5.

Ta có cấu trúc “would you like” mang nghĩa “muốn/thích làm gì”.

Câu hoàn chỉnh: What **would** you like when you grow up?

(Bạn muốn làm gì khi bạn lớn lên?)

Đáp án: A

IV. Read and choose True or False for each statement.

Bài đọc:

Hi, I'm Lucy. I love summer and winter in my country. During summer, the sun shines brightly, and the weather is really hot. For me, it's ideal to wear T-shirts and shorts in summer. I often play outside with my friends. We ride our bikes and fly kites in the park. In winter, it's cold and dry. I love wearing jumpers, jeans with boots and look so fashionable! I also love staying at home and enjoying my hot chocolate in snowy weather. Both seasons are so much interesting!

Tạm dịch:

Xin chào, mình là Lucy. Mình rất thích mùa hè và mùa đông ở đất nước mình. Vào mùa hè, mặt trời chiếu sáng rực rỡ và thời tiết thì rất nóng. Đối với mình, mặc áo thun và quần short vào mùa hè là lý tưởng nhất. Mình thường chơi ở ngoài cùng với các bạn. Chúng mình đạp xe và thả diều ở công viên. Vào mùa đông, trời lạnh và khô. Mình thích mặc áo len, quần jean với boots – nhìn rất thời trang! Mình cũng thích ở nhà và thưởng thức sô cô la nóng trong thời tiết có tuyết. Cả hai mùa đều thật thú vị!

Phương pháp chung:

- Đọc các câu hỏi và phương án, gạch chân các từ khoá.
- Đọc kĩ bài đọc, chú ý đến những ý được gạch chân.
- Chọn True or False cho từng câu.

Lời giải chi tiết:

1. Lucy likes wearing jeans in summer.

(Lucy thích mặc quần bò vào mùa hè.)

Thông tin: For me, it's ideal to wear T-shirts and shorts in summer.

(Đối với mình, mặc áo thun và quần short vào mùa hè là lý tưởng nhất.)

Chọn False

2. Lucy often meets her friends and plays games in summer.

(Lucy thường gặp gỡ bạn bè và chơi trò chơi vào mùa hè.)

Thông tin: I often play outside with my friends.

(Mình thường chơi ở ngoài cùng với các bạn.)

Chọn True

3. The weather is cold and rainy in winter.

(Thời tiết lạnh và mưa vào mùa đông.)

Thông tin: In winter, it's cold and dry.

(Vào mùa đông, trời lạnh và khô.)

Chọn False

4. Lucy thinks that she looks so fashionable in winter.

(Lucy nghĩ rằng cô ấy trông thật sành điệu vào mùa đông.)

Thông tin: I love wearing jumpers, jeans with boots and look so fashionable!

(Mình thích mặc áo len, quần jean với boots – nhìn rất thời trang!)

Chọn True

5. Lucy likes having hot chocolate in winter.

(Lucy thích uống sô-cô-la nóng vào mùa đông.)

Thông tin: I also love staying at home and enjoying my hot chocolate in snowy weather.

(Mình cũng thích ở nhà và thưởng thức sô cô la nóng trong thời tiết có tuyết.)

Chọn True

V. Make correct sentences, using the clues given.

Phương pháp giải:

- Đọc và dịch những từ/cụm từ được cung cấp, xác định chức năng và vị trí của chúng ở trong câu.
- Áp dụng các cấu trúc câu đã học, sử dụng những từ/cụm từ đã cho để tạo thành những câu đúng.

Lời giải chi tiết:

1. I / going / visit / aquarium / my classmate / this weekend.

Dựa vào “going” và “this weekend” để xác định được đây là câu khẳng định ở thì tương lai gần.

Ta có cấu trúc: Chủ ngữ + am/is/are + going to + động từ nguyên mẫu + tân ngữ.

Câu hoàn chỉnh: I am going to visit the aquarium with my classmate this weekend.

(Tôi sẽ đến thăm thầy cùng với bạn cùng lớp của tôi vào cuối tuần này.)

2. main / character / story / ant / grasshopper.

Nhận thấy “ant” và “grasshopper” là số nhiều, vậy nên chue ngữ của câu này phải là danh từ số nhiều, và động từ to be tương ứng phải là “are”.

Ta có cấu trúc: Chủ ngữ số nhiều + are + danh từ số nhiều.

Câu hoàn chỉnh: The main characters in the story are the ant and the grasshopper.

(Những nhân vật chính trong câu chuyện là con kiến và con dế.)

3. My brother / like / wear / jeans / T-shirt / spring.

- like + V-ing: thích làm gì

- “My brother” là chủ ngữ ngôi thứ 3 số ít, vậy nên động từ chính trong câu này phải là động từ được chia.

Câu hoàn chỉnh: My brother likes wearing jeans and a T-shirt in spring.

(Anh trai tôi thích mặc quần jeans và áo thun vào mùa xuân.)

4. It / about / 100 kilometres / from / Ha Noi / Hai Phong.

Ta có cấu trúc nói về khoảng cách giữa 2 địa điểm:

It's (+ about) + khoảng cách + from + địa điểm 1 + to + địa điểm 2.

Câu hoàn chỉnh: It is about 100 kilometres from Ha Noi to Hai Phong.

(Từ Hà Nội đến Hải Phòng dài khoảng 100 km.)

5. I / think / they / beautiful / kind / .

Sau “I think” là một mệnh đề, được dùng để bày ra suy nghĩ.

Câu hoàn chỉnh: I think they are beautiful and kind.

(Tôi nghĩ họ rất xinh đẹp và tốt bụng.)